

BỘ TÀI CHÍNH

Số: 1968/QĐ-BTC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 22 tháng 7 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực chứng khoán thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024 của Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 29/2025/NĐ-CP ngày 24 tháng 2 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 166/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 19/2025/TT-BTC ngày 05 tháng 5 năm 2025 của Bộ Tài chính quy định việc đăng ký công ty đại chúng, hủy tư cách công ty đại chúng và báo cáo vốn điều lệ đã góp được kiểm toán được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 80/2026/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này 02 thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực chứng khoán thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính (chi tiết tại Phụ lục đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 8 năm 2026. Bãi bỏ nội dung công bố thủ tục hành chính tại số thứ tự 21 và 22 Mục 2 Phần I ban hành kèm theo Quyết định số 936/QĐ-BTC ngày 15/4/2026 của Bộ Tài chính về việc công bố thủ tục hành chính mới và sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực chứng khoán thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ Tài chính, Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Cục trưởng Cục Công nghệ thông tin và Chuyển đổi số và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /: *thư*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các đồng chí Thứ trưởng;
- Bộ Tư pháp (Cục KSTTHC);
- Văn phòng Bộ (Phòng CCHC);
- Cổng thông tin điện tử Bộ Tài chính;
- Cổng thông tin điện tử UBCKNN;
- Lưu: VT, UBCK (25b). *ok*

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Đức Chi

Phụ lục
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG LĨNH VỰC
CHỨNG KHOÁN THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ TÀI CHÍNH
(Kèm theo Quyết định số 1968/QĐ-BTC ngày 22 tháng 7 năm 2026 của Bộ Tài chính)

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ TÀI CHÍNH

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Lĩnh vực	Cơ quan giải quyết	Số Quyết định đã công bố TTHC được sửa đổi, bổ sung
Thủ tục hành chính cấp Trung ương						
1	1.009.796	Đăng ký công ty đại chúng	- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15; - Thông tư số 25/2022/TT-BTC; - Thông tư số 19/2025/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 80/2026/TT-BTC.	Chứng khoán	Ủy ban chứng khoán Nhà nước	STT 21, Quyết định số 936/QĐ-BTC ngày 15/4/2026
2	1.009.797	Hủy tư cách công ty đại chúng	- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15; - Thông tư số 19/2025/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 80/2026/TT-BTC.	Chứng khoán	Ủy ban chứng khoán Nhà nước	STT 22, Quyết định số 936/QĐ-BTC ngày 15/4/2026

PHẦN II: NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG LĨNH VỰC CHỨNG KHOÁN THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ TÀI CHÍNH

1. Tên thủ tục “Đăng ký công ty đại chúng”

1.1. Trình tự thực hiện:

+ Bước 1: Công ty cổ phần đáp ứng điều kiện quy định tại điểm a khoản 1 Điều 32 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được sửa đổi, bổ sung tại điểm a khoản 11 Điều 1 Luật số 56/2024/QH15 nộp hồ sơ đến Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN).

+ Bước 2: UBCKNN (Bộ phận một cửa) tiếp nhận và kiểm tra danh mục hồ sơ. Trường hợp danh mục chưa đầy đủ UBCKNN hướng dẫn công ty bổ sung hồ sơ theo quy định.

+ Bước 3: UBCKNN xem xét tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ. Trường hợp nội dung chưa đầy đủ hoặc chưa rõ ràng, UBCKNN yêu cầu công ty bổ sung hoặc giải trình.

Trường hợp quá 60 ngày kể từ ngày UBCKNN có yêu cầu bổ sung hoặc giải trình hồ sơ mà công ty không hoàn thiện hồ sơ, UBCKNN dừng việc xem xét hồ sơ đăng ký công ty đại chúng của công ty.

+ Bước 4: Trường hợp công ty giải trình, bổ sung đầy đủ hồ sơ theo yêu cầu và không quá thời hạn 60 ngày kể từ ngày UBCKNN có yêu cầu giải trình, bổ sung hồ sơ, UBCKNN gửi công văn xác nhận hoàn tất việc đăng ký công ty đại chúng cho công ty, đồng thời công bố tên, nội dung kinh doanh và các thông tin khác liên quan đến công ty đại chúng trên phương tiện công bố thông tin của UBCKNN.

1.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại Bộ phận Một cửa, gửi qua đường bưu điện hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến theo các văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính.

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

1.3.1. Đối với công ty cổ phần:

a) Giấy đăng ký công ty đại chúng theo mẫu quy định tại Phụ lục số II ban hành kèm theo Thông tư số 19/2025/TT-BTC;

b) Điều lệ công ty theo quy định của Luật Doanh nghiệp và dự thảo Điều lệ công ty áp dụng cho CTĐC theo quy định trong trường hợp điều lệ hiện hành của công ty chưa đáp ứng quy định đối với CTĐC;

c) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ pháp lý tương đương trong trường hợp không khai thác được thông tin về các tài liệu này trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp hoặc các Cơ sở dữ liệu quốc gia khác (nếu có);

d) Bản công bố thông tin về công ty đại chúng theo mẫu quy định tại Phụ lục số III ban hành kèm theo Thông tư số 19/2025/TT-BTC;

đ) Báo cáo tài chính năm gần nhất của công ty cổ phần được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập. Trường hợp công ty tăng vốn điều lệ sau thời điểm kết thúc kỳ kế toán năm gần nhất, công ty phải bổ sung báo cáo tài chính kỳ gần nhất được kiểm toán hoặc soát xét (Kỳ gần nhất được tính từ thời điểm bắt đầu năm tài chính tiếp theo đến thời điểm hoàn thành việc thay đổi vốn điều lệ);

e) Báo cáo về vốn điều lệ đã góp tính đến thời điểm đăng ký công ty đại chúng theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 19/2025/TT-BTC và Phụ lục I Thông tư số 19/2025/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung tại Phụ lục I Thông tư số 80/2026/TT-BTC;

g) Danh sách cổ đông theo mẫu quy định tại Phụ lục số IV ban hành kèm theo Thông tư số 19/2025/TT-BTC; Trường hợp có thay đổi, công ty có trách nhiệm cập nhật và gửi UBCKNN.

1.3.2. Đối với công ty đại chúng hình thành sau chia, tách, hợp nhất doanh nghiệp:

1.3.2.1. Đối với trường hợp công ty trước chia, tách, hợp nhất không phải là CTĐC:

Hồ sơ bao gồm các tài liệu quy định tại điểm a, b, c, d, g nêu tại mục 1.3.1 và các tài liệu sau:

a) Báo cáo về vốn điều lệ đã góp được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập của công ty trước thời điểm chia, tách; báo cáo về vốn điều lệ đã góp được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập của các công ty trước thời điểm hợp nhất doanh nghiệp; báo cáo về vốn điều lệ đã góp được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập của công ty cổ phần hình thành sau chia, tách, hợp nhất doanh nghiệp theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 19/2025/TT-BTC và Phụ lục I Thông tư số 19/2025/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung tại Phụ lục I Thông tư số 80/2026/TT-BTC;

b) Báo cáo tài chính năm gần nhất của công ty cổ phần được hình thành sau chia, tách, hợp nhất doanh nghiệp được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập. Trường hợp tại thời điểm nộp hồ sơ đăng ký công ty đại chúng, công ty chưa có báo cáo tài chính năm gần nhất do thời gian hoạt động chưa đủ năm tài chính theo quy định, báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán trong hồ sơ đăng ký công ty đại chúng được thay thế bằng báo cáo tài chính kỳ gần nhất được kiểm toán hoặc soát xét kèm theo báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán của các công ty trước chia, tách, hợp nhất.

1.3.2.2. Đối với trường hợp công ty trước khi chia doanh nghiệp là CTĐC:

Hồ sơ bao gồm các tài liệu quy định tại điểm a, b, c, d, g nêu tại mục 1.3.1 và các tài liệu sau:

a) Báo cáo về vốn điều lệ đã góp được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập của công ty cổ phần hình thành sau chia doanh nghiệp tính từ thời điểm chia doanh nghiệp đến thời điểm đăng ký công ty đại chúng theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 19/2025/TT-BTC và Phụ lục I Thông tư số 19/2025/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung tại Phụ lục I Thông tư số 80/2026/TT-BTC;

b) Báo cáo tài chính năm gần nhất của công ty cổ phần được hình thành sau chia doanh nghiệp được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập. Trường hợp tại thời điểm nộp hồ sơ đăng ký công ty đại chúng, công ty chưa có báo cáo tài chính năm gần nhất do thời gian hoạt động chưa đủ năm tài chính theo quy định, báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán trong hồ sơ đăng ký công ty đại chúng được thay thế bằng báo cáo tài chính kỳ gần nhất được kiểm toán hoặc soát xét.

1.3.3. Đối với trường hợp công ty cổ phần đăng ký công ty đại chúng sau khi thực hiện phát hành cổ phiếu thông qua việc hoán đổi cổ phiếu theo hợp đồng hợp nhất doanh nghiệp và đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp giấy chứng nhận chào bán.

Hồ sơ bao gồm các tài liệu quy định tại điểm a, b, c, d, g nêu tại mục 1.3.1 và báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để hoán đổi.

1.4. Thời hạn giải quyết:

Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày UBCKNN nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.

1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Công ty cổ phần đáp ứng điều kiện là công ty đại chúng.

1.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: UBCKNN

1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

- + Công văn xác nhận hoàn tất việc đăng ký công ty đại chúng.
- + Công bố tên, nội dung kinh doanh và thông tin khác liên quan đến công ty đại chúng trên phương tiện công bố thông tin của UBCKNN.

1.8. Phí, lệ phí: 830.000 đồng (nộp 1 lần duy nhất khi được xác nhận hoàn tất việc đăng ký công ty đại chúng).

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

+ Giấy đăng ký công ty đại chúng theo mẫu quy định tại Phụ lục số II ban hành kèm theo Thông tư số 19/2025/TT-BTC;

+ Bản công bố thông tin về công ty đại chúng theo mẫu quy định tại Phụ lục số III ban hành kèm theo Thông tư số 19/2025/TT-BTC;

+ Báo cáo về vốn điều lệ đã góp tính đến thời điểm đăng ký công ty đại chúng được lập theo mẫu quy định tại Phụ lục I Thông tư số 19/2025/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung tại Phụ lục I Thông tư số 80/2026/TT-BTC;

+ Danh sách cổ đông theo mẫu quy định tại Phụ lục số IV ban hành kèm theo Thông tư số 19/2025/TT-BTC.

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Công ty cổ phần có vốn điều lệ đã góp từ 30 tỷ đồng trở lên, có vốn chủ sở hữu từ 30 tỷ đồng trở lên và có tối thiểu 10% số cổ phiếu có quyền biểu quyết do ít nhất 100 nhà đầu tư không phải cổ đông lớn nắm giữ.

1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- + Luật Chứng khoán 54/2019/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số

56/2024/QH15;

+ Thông tư 25/2022/TT-BTC;

+ Thông tư 19/2025/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư 80/2026/TT-BTC.

Phụ lục số II
MẪU GIẤY ĐĂNG KÝ CÔNG TY ĐẠI CHÚNG
(Kèm theo Thông tư số 19/2025/TT-BTC ngày 05 tháng 5 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

TÊN CÔNG TY _____ **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Số: _____ **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
, ngày ... tháng... năm.....

GIẤY ĐĂNG KÝ CÔNG TY ĐẠI CHÚNG

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

I. Thông tin chung về Công ty

1. Tên Công ty:.....
2. Địa chỉ trụ sở chính:.....
3. Điện thoại:.....Website:.....
5. Người đại diện theo pháp luật:.....
6. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số do Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp lần đầu ngày, cấp thay đổi lần thứ ... ngày *(nêu thông tin thay đổi lần gần nhất)*.
 - Ngành nghề kinh doanh chính:.....
 - Sản phẩm/dịch vụ chính:.....
7. Giấy phép thành lập và hoạt động *(nếu có theo quy định của pháp luật chuyên ngành)*:.....
8. Ngày Công ty đáp ứng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 32 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được sửa đổi, bổ sung tại điểm a khoản 11 Điều 1 Luật số 56/2024/QH15:.....
 - Vốn điều lệ tại ngày Công ty đáp ứng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 32 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được sửa đổi, bổ sung tại điểm a khoản 11 Điều 1 Luật số 56/2024/QH15:.....
 - Vốn chủ sở hữu tại ngày Công ty đáp ứng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 32 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được sửa đổi, bổ sung tại điểm a khoản 11 Điều 1 Luật số 56/2024/QH15:.....
 - Thông tin về cơ cấu cổ đông tại ngày Công ty xác định đáp ứng quy định

tại điểm a khoản 1 Điều 32 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được sửa đổi, bổ sung tại điểm a khoản 11 Điều 1 Luật số 56/2024/QH15:

- + Tổng số cổ đông của Công ty:.....
- + Số lượng cổ đông không phải là cổ đông lớn:
- + Tổng số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết của tất cả các cổ đông không phải là cổ đông lớn: (tương ứng tỷ lệ.....%).

II. Các bên liên quan

1. Tổ chức tư vấn (nếu có):.....
2. Tổ chức kiểm toán:.....
3. Bên liên quan khác (nếu có):.....

III. Cam kết của công ty

Công ty xin cam kết những thông tin trong hồ sơ này là đầy đủ và đúng sự thật, không phải là thông tin giả hoặc thiếu có thể làm ảnh hưởng đến nhà đầu tư, ảnh hưởng đến quyết định của cơ quan quản lý nhà nước. Công ty chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực và đầy đủ của hồ sơ đăng ký công ty đại chúng

III. Hồ sơ kèm theo

1. Điều lệ công ty và và dự thảo Điều lệ công ty áp dụng cho công ty đại chúng theo quy định trong trường hợp Điều lệ hiện hành của công ty chưa đáp ứng quy định đối với công ty đại chúng;
2. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ pháp lý tương đương;
3. Bản công bố thông tin về công ty đại chúng;
4. Báo cáo tài chính;
5. Báo cáo về vốn điều lệ đã góp được kiểm toán;
6. Danh sách cổ đông;
7. Tài liệu khác (...)

....., ngày ... tháng ... năm ...

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Phụ lục số III
MẪU BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ CÔNG TY ĐẠI CHÚNG
*(Kèm theo Thông tư số 19/2025/TT-BTC ngày 05 tháng 5 năm 2025
của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ CÔNG TY ĐẠI CHÚNG

Tên công ty:

*Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp [mã số doanh nghiệp]... do Cơ quan
đăng ký kinh doanh... cấp lần đầu ngày..., cấp thay đổi lần thứ... ngày... (nêu
thông tin thay đổi lần gần nhất)*

Địa chỉ trụ sở chính:.....

Điện thoại: Fax:

Website:

Phụ trách công bố thông tin:

Họ tên:

Chức vụ:

Điện thoại: Fax:

I. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG TY ĐẠI CHÚNG

1. Thông tin chung về Công ty

- Tên Công ty (tiếng Anh và tiếng Việt);
- Trụ sở chính;
- Số điện thoại; Website;
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
- Người đại diện theo pháp luật;
- Ngành nghề kinh doanh chính.

2. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty

- Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Công ty (bao gồm các thông tin về chia tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi mô hình hoạt động của Công ty nếu có).

- Ngày Công ty đáp ứng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 32 Luật Chứng khoán được sửa đổi, bổ sung tại điểm a khoản 11 Điều 1 Luật số

56/2024/QH15:.....;

- Thông tin về vốn điều lệ, cơ cấu cổ đông tại ngày đáp ứng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 32 Luật Chứng khoán được sửa đổi, bổ sung tại điểm a khoản 11 Điều 1 Luật số 56/2024/QH15:

+ Vốn điều lệ:

+ Vốn chủ sở hữu:

+ Số lượng cổ đông:

+ Cơ cấu cổ đông:cổ đông không phải là cổ đông lớn, sở hữu số lượng cổ phần có quyền biểu quyết, tỷ lệ sở hữu trên vốn điều lệ.

- Thông tin về vốn điều lệ, cơ cấu cổ đông tính đến thời điểm nộp hồ sơ công ty đại chúng gần nhất (nếu có thay đổi):

+ Vốn điều lệ:

+ Vốn chủ sở hữu:

+ Số lượng cổ đông:

+ Cơ cấu cổ đông: cổ đông không phải là cổ đông lớn, sở hữu số lượng cổ phần có quyền biểu quyết, tỷ lệ sở hữu trên vốn điều lệ.

3. Cơ cấu tổ chức của Công ty (và cơ cấu của nhóm công ty (nếu có) bao gồm: các công ty mẹ, công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với công ty đại chúng; các công ty con, công ty mà công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối (nêu rõ số lượng cổ phần sở hữu, tỷ lệ sở hữu trên vốn điều lệ)

4. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty (thể hiện bằng sơ đồ kèm theo diễn giải)

5. Giới thiệu về quá trình góp vốn thành lập, thay đổi vốn điều lệ của Công ty

Từ khi thành lập đến nay, Công ty có quá trình góp vốn thành lập, thay đổi vốn điều lệ như sau:

Thời điểm (Tháng/Năm) ⁽¹⁾	Vốn điều lệ sau khi tăng/giảm	Giá trị vốn điều lệ tăng thêm/giảm đi	Hình thức tăng/giảm vốn	Cơ sở pháp lý ⁽²⁾
Thành lập doanh nghiệp (tháng...năm...)				
.....				

Thời điểm (Tháng/Năm) ⁽¹⁾	Vốn điều lệ sau khi tăng/giảm	Giá trị vốn điều lệ tăng thêm/giảm đi	Hình thức tăng/giảm vốn	Cơ sở pháp lý ⁽²⁾
.....				
Vốn điều lệ đã góp tại thời điểm đăng ký công ty đại chúng	 (VND)			

Ghi chú:

(1) Công ty trình bày đầy đủ thông tin về quá trình góp vốn, thay đổi vốn điều lệ từ thời điểm thành lập đến thời điểm đăng ký công ty đại chúng.

(2) Công ty trình bày đầy đủ thông tin về cơ sở pháp lý tương ứng với đợt góp vốn thành lập, các đợt tăng/giảm vốn (Biên bản họp, Nghị quyết, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp,)

6. Cơ cấu cổ đông tại thời điểm gần nhất

STT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ
I	Cổ đông trong nước, nước ngoài			
1	Trong nước			
1.1	Nhà nước			
1.2	Tổ chức			
1.3	Cá nhân			
2	Nước ngoài			
2.1	Tổ chức nước ngoài, Tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ			
2.2	Cá nhân			
	Tổng cộng			100%
II	Cổ đông lớn, cổ đông khác			
1	Cổ đông lớn			
2	Cổ đông khác			
	Tổng cộng			100%

- Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần của công ty (tên, địa chỉ,

số lượng, tỷ lệ sở hữu);

- Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ (*trường hợp Công ty có cổ đông sáng lập đang trong thời gian hạn chế chuyển nhượng*).

7. Hoạt động kinh doanh

8. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm gần nhất và đến quý gần nhất (*nếu có*)

9. Vị thế của công ty trong ngành

- Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành;
- Triển vọng phát triển của ngành.

10. Chính sách đối với người lao động

- Số lượng người lao động trong công ty;
- Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp...

11. Chính sách cổ tức (*nêu các chính sách liên quan đến việc trả cổ tức, tỷ lệ cổ tức trong năm gần nhất*)

12. Tình hình tài chính trong năm gần nhất và đến quý gần nhất (*nếu có*):

12.1. Đối với các Công ty không phải là tổ chức tín dụng

- *Tình hình công nợ;*
- + *Các khoản phải thu (ngắn hạn, dài hạn); trường hợp có các khoản phải thu quá hạn, nêu đối tượng, giá trị, thời gian quá hạn, nguyên nhân, đánh giá khả năng thu hồi;*
- + *Các khoản phải trả (ngắn hạn, dài hạn), tình hình thanh toán các khoản nợ; trường hợp có các khoản nợ quá hạn, nêu đối tượng, giá trị, thời gian quá hạn, nguyên nhân, đánh giá khả năng trả nợ;*
- *Các khoản phải nộp theo luật định và việc tuân thủ quy định pháp luật;*
- *Trích lập các quỹ;*
- *Nêu các sự kiện có thể ảnh hưởng tới tình hình tài chính của Công ty kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất. Trường hợp không có sự kiện ảnh hưởng, Công ty nêu rõ.*

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Năm X-1	Năm X	Quý gần nhất	Ghi chú
1. Tổng tài sản				

2. Nợ phải trả				
3. Vốn chủ sở hữu				
4. Doanh thu thuần				
5. Lợi nhuận sau thuế (LNST)				

12.2. Đối với các Công ty là tổ chức tín dụng

- *Tình hình công nợ (tổng số nợ phải thu, tổng số nợ phải trả);*
- *Trích lập các quỹ;*
- *Các khoản phải nộp theo luật định và việc tuân thủ quy định pháp luật;*
- *Nêu các sự kiện có thể ảnh hưởng tới tình hình tài chính của Công ty kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất. Trường hợp không có sự kiện ảnh hưởng, Công ty nêu rõ.*

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Năm X-1	Năm X	Quý gần nhất	Ghi chú
1. Tổng tài sản				
2. Nợ phải trả				
2. Chỉ tiêu về vốn: - Tổng vốn chủ sở hữu - Tỷ lệ an toàn vốn (%)				
3. Chất lượng tài sản - Tỷ lệ nợ quá hạn - Tỷ lệ nợ xấu - Tài sản có sinh lời/Tổng tài sản có nội bảng				
4. Lợi nhuận sau thuế				

13. Tài sản cố định (*nêu tên, nguyên giá, giá trị còn lại của từng tài sản lớn thuộc sở hữu của công ty*)

14. Các dự án của Công ty (*thông tin dự án, tiến độ thực hiện...*)

15. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Chỉ tiêu	Kế hoạch Năm X+1	% tăng giảm so với số thực hiện năm X
Doanh thu thuần		
Lợi nhuận sau thuế		
Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần		
Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu		
Tỷ lệ cổ tức		

- Nêu các căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức nêu trên.

16. Thông tin về những cam kết chưa thực hiện của công ty (thông tin về trái phiếu chưa đáo hạn, cam kết bảo lãnh, cam kết vay, cho vay...)

17. Chiến lược, định hướng phát triển sản xuất kinh doanh

18. Các thông tin, tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty (nếu có)

II. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Cơ cấu, thành phần và hoạt động của Hội đồng quản trị (giới thiệu cơ cấu Hội đồng quản trị bao gồm danh sách và sơ yếu lý lịch các thành viên Hội đồng quản trị, nêu thành viên Hội đồng quản trị độc lập, thành viên Hội đồng quản trị không điều hành, thành viên Hội đồng quản trị điều hành và cơ cấu các tiểu ban của Hội đồng quản trị (nếu có))

2. Ban kiểm soát (trường hợp áp dụng mô hình có Ban kiểm soát)

3. Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị (trường hợp áp dụng mô hình không có Ban kiểm soát)

4. Tổng giám đốc (Giám đốc) và người quản lý khác

5. Kế hoạch tăng cường quản trị công ty

6. Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ

7. Thống kê các giao dịch giữa công ty với người có liên quan theo quy định (các giao dịch liên quan phát sinh trong năm và kỳ gần nhất)

III. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN CÔNG TY ĐẠI CHÚNG, CAM KẾT CỦA CÔNG TY

1. Những người chịu trách nhiệm chính đối với nội dung Bản công bố thông tin công ty đại chúng...

2. Cam kết của công ty

- Công ty cam kết và chịu trách nhiệm về tính trung thực, đầy đủ, chính

xác của thông tin tại Bản công bố thông tin và các tài liệu kèm theo (nếu có).

- Sau khi được xác nhận hoàn tất đăng ký công ty đại chúng, công ty tuân thủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Chứng khoán.

**IV. NGÀY THÁNG NĂM, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN
TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ ĐẠI CHỨNG (CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ,
TỔNG GIÁM ĐỐC HOẶC GIÁM ĐỐC, GIÁM ĐỐC TÀI CHÍNH HOẶC
KẾ TOÁN TRƯỞNG) VÀ TỔ CHỨC TƯ VẤN (nếu có).**

Phụ lục số I

MẪU BÁO CÁO VỀ VỐN ĐIỀU LỆ ĐÃ GÓP

(Kèm theo Thông tư số 80/2026/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

ĐƠN VỊ BÁO CÁO**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

....., ngày.....tháng.....năm.....

BÁO CÁO VỀ VỐN ĐIỀU LỆ ĐÃ GÓP

Từ ngày.....tháng.....năm đến ngày.....tháng.....năm....

TT	Thời gian	Nội dung	Thuyết minh	Số lượng cổ phần	Vốn góp (theo mệnh giá)	Thặng dư vốn cổ phần	Tổng	Vốn đã góp sau tăng/giảm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	.../.../...	Số dư đầu kỳ báo cáo/Vốn góp thành lập	6.1					
2		Tăng/giảm vốn trong kỳ báo cáo	6.2					
	.../.../...	Tăng/giảm vốn	6.2.1					
	.../.../...	Tăng/giảm vốn						
								
3	.../.../...	Số dư cuối kỳ báo cáo	6.3					

Lưu ý:

- (2): Công ty trình bày việc tăng hoặc giảm vốn theo thứ tự thời gian phát sinh. Thời gian hiển thị tại cột này là ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho mỗi lần thay đổi vốn.

- (5) Trường hợp tại thời điểm góp vốn thành lập hoặc tăng/giảm vốn, Công ty không hoạt động theo mô hình công ty cổ phần thì không nhập cột này.

- (8): Bảng Vốn góp (theo mệnh giá) cộng (+) với Thặng dư vốn cổ phần.

- Giảm vốn được ghi bằng số âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn: (...).

NGƯỜI LẬP

(ký và ghi rõ họ tên)

**KẾ TOÁN
TRƯỞNG**

(ký và ghi rõ họ tên)

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO
PHÁP LUẬT**

(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

THUYẾT MINH BÁO CÁO VỀ VỐN ĐIỀU LỆ ĐÃ GÓP

Từ ngày ... tháng ... năm ... đến ngày ... tháng ... năm ...

1. Thông tin chung

a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần (gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (CNĐKDN) số..... cấp lần đầu ngày.... tháng....năm.....

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Cơ quan Đăng ký kinh doanh cấp Giấy CNĐKDN điều chỉnh lần. Lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ....., được cấp ngày...../...../.....

b) Ngành nghề kinh doanh chính [nêu ngành nghề kinh doanh chính tại ngày lập báo cáo]

c) Cấu trúc của Công ty [tại ngày lập báo cáo]

d) Thông tin khác (nếu có)

2. Mục đích lập báo cáo

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành [Công ty trình bày theo chế độ kế toán công ty áp dụng, ví dụ: Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp].

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán mà doanh nghiệp được áp dụng theo quy định pháp luật và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực, chế độ kế toán. Báo cáo về vốn điều lệ đã góp được lập và trình bày phù hợp với các quy định có liên quan của chuẩn mực kế toán, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập báo cáo vốn điều lệ đã góp, bao gồm Thông tư số [Số hiệu của thông tư].

4. Chính sách kế toán áp dụng

5. Ghi nhận và trình bày vốn góp của chủ sở hữu

- Tình hình góp vốn thành lập, tăng/giảm vốn điều lệ đã góp được ghi nhận theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán, các chính sách kế toán được áp dụng, các văn bản pháp lý khác có liên quan và các hồ sơ, tài liệu góp vốn, tăng/giảm vốn

điều lệ của Công ty.

- Ban Giám đốc/Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc ghi nhận và trình bày vốn điều lệ đã góp của chủ sở hữu tại Báo cáo về vốn điều lệ đã góp cho giai đoạn từ ngày....../....../.... đến ngày...../...../....., đồng thời chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác, trung thực, hợp lý của các thông tin, số liệu được trình bày tại Báo cáo về vốn điều lệ đã góp bao gồm: Số dư đầu kỳ báo cáo/Vốn góp thành lập, số liệu liên quan đến quá trình tăng/giảm vốn điều lệ, số dư cuối kỳ báo cáo và Thuyết minh Báo cáo về vốn điều lệ đã góp cho giai đoạn từ ngày....../....../.... đến ngày...../...../.....

6. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo về vốn điều lệ đã góp

6.1. Số dư đầu kỳ báo cáo/Vốn góp thành lập

a. Đối với doanh nghiệp có thời gian hoạt động dưới 10 năm: Số liệu trình bày là chỉ tiêu vốn góp của chủ sở hữu khi thành lập doanh nghiệp.

Vốn góp thành lập tại ngày...../...../.....

Cơ sở pháp lý

Biên bản/Nghị quyếtcủa các thành viên góp vốn/cổ đông sáng lập liên quan đến vốn góp thành lập;

Giấy CNĐKDN lần đầu số ngày/....../..... được cấp bởi Cơ quan đăng ký kinh doanh....., trong đó vốn điều lệ được ghi tại Giấy CNĐKDN là.....;

Điều lệ Công ty ngày....tháng....năm....., trong đó vốn điều lệ được ghi trong Điều lệ là.....;

Sổ đăng ký thành viên/cổ đông của Công ty được lập tại ngày/...../..... trong đó có thành viên góp vốn/cổ đông sáng lập;

Các văn bản pháp lý khác có liên quan (nêu chi tiết nếu có).

Chi tiết góp vốn:

Số lượng thành viên góp vốn/cổ đông sáng lập: thành viên/cổ đông

Ngày bắt đầu góp vốn:

Ngày hoàn thành góp vốn:

Thông tin góp vốn: ***Chi tiết tại Phụ lục số I.1 đính kèm Báo cáo.***

b. Đối với doanh nghiệp có thời gian hoạt động từ 10 năm trở lên, số dư đầu kỳ Báo cáo về vốn điều lệ đã góp là số dư chỉ tiêu vốn góp của chủ sở hữu tại thời điểm đầu kỳ báo cáo với kỳ báo cáo tối thiểu là 10 năm.

Ví dụ: Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01/2025; Thời điểm hiện tại là 15/03/2025, số dư đầu kỳ Báo cáo về vốn điều lệ đã góp là số dư vốn góp của chủ sở hữu tại thời điểm 01/01/2013 trong trường hợp thời kỳ doanh nghiệp lập báo cáo về vốn điều lệ đã góp là 12 năm.

Số dư đầu kỳ báo cáo tại ngày...../...../.....

Cơ sở ghi nhận số dư đầu kỳ

Tài liệu liên quan đến việc tăng/giảm vốn gần nhất trước thời điểm đầu kỳ của Báo cáo về vốn điều lệ đã góp bao gồm:

Biên bản/Nghị quyếtcủa các thành viên góp vốn/cổ đông (nếu có);

Giấy CNĐKDN lần thứ..... ngày/.../..... được cấp bởi Cơ quan đăng ký kinh doanh....., trong đó vốn điều lệ được ghi tại Giấy CNĐKDN là.....;

Điều lệ Công ty ngày....tháng....năm....., trong đó vốn điều lệ được ghi trong Điều lệ là.....;

Số đăng ký thành viên/cổ đông của Công ty được lập tại ngày/...../..... trong đó có thành viên góp vốn/cổ đông;

Báo cáo tài chính năm của Công ty;

Các văn bản pháp lý khác có liên quan (nêu chi tiết nếu có);

Chi tiết góp vốn tại ngày...../...../.....: Chi tiết tại **Phụ lục số I.2** đính kèm Báo cáo.

6.2. Tăng/giảm vốn trong kỳ báo cáo

Từ/...../..... đến/...../....., Công ty có..... đợt tăng vốn điều lệ vàđợt giảm vốn điều lệ. Chi tiết như sau [*Công ty trình bày các lần tăng/giảm vốn theo trình tự thời gian phát sinh*]:

6.2.1. Tăng/giảm vốn lần..... thời gian.....

a. Cơ sở pháp lý

Biên bản/Nghị quyết liên quan đến tăng/giảm vốn;

Giấy CNĐKDN lần..... số được cấp ngày/.../..... bởi Cơ quan đăng ký kinh doanh, trong đó vốn điều lệ được ghi nhận là.....;

Điều lệ Công ty ngày....tháng....năm....., trong đó vốn điều lệ được ghi trong Điều lệ là.....;

Số đăng ký thành viên/cổ đông của Công ty được lập tại ngày/...../..... trong đó có thành viên/cổ đông góp vốn.

b. Chi tiết tăng/giảm vốn

Vốn điều lệ trước khi tăng/giảm: đồng

Vốn điều lệ tăng thêm/giảm đi: đồng

Vốn điều lệ sau khi tăng/giảm: đồng

Phương án tăng/giảm và điều chỉnh (nếu có)

Số lượng thành viên/cổ đông trước khi tăng/giảm: thành viên/cổ đông

Số lượng thành viên/cổ đông sau khi tăng/giảm: thành viên/cổ đông

Thời điểm bắt đầu tăng/giảm:

Thời điểm hoàn thành tăng/giảm:

Thông tin liên quan đến tăng vốn: Chi tiết tại **Phụ lục số I.3** đính kèm Báo cáo.

Thông tin chi tiết liên quan đến giảm vốn:.....

[*Công ty bổ sung các thông tin liên quan đến đợt giảm vốn căn cứ trên hồ sơ giảm vốn của Công ty*]

Các thông tin khác (nếu có): [*Công ty bổ sung các thông tin liên quan đến đợt tăng/giảm vốn căn cứ trên hồ sơ tăng/giảm vốn, sổ kế toán, tài liệu tăng/giảm vốn của Công ty*].

6.3. Số dư cuối kỳ báo cáo

Vốn điều lệ đã góp tại ngày...../...../..... là đồng, chi tiết tại **Phụ lục số I.2** đính kèm Báo cáo.

7. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ báo cáo [ngày..../..../....].

8. Thông tin bổ sung khác (nếu có).

....., ngày, tháng năm

NGƯỜI LẬP
(ký và ghi rõ họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(ký và ghi rõ họ tên)

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO
PHÁP LUẬT**
(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

ĐƠN VỊ BÁO CÁO**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

....., ngàytháng.....năm....

Phụ lục số I.1**CHI TIẾT VỐN GÓP THÀNH LẬP TẠI THUYẾT MINH SỐ BÁO CÁO VỐN ĐIỀU LỆ ĐÃ GÓP**

TT	Tên cổ đồng/thành viên góp vốn	Chức vụ (Nếu có)	Số lượng cổ phần sở hữu	Giá trị vốn góp	Tỷ lệ sở hữu (%)	Phương thức góp vốn	Tài sản góp vốn	Tài liệu góp vốn	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1									
2									
									
	Tổng								

....., ngày tháng năm

NGƯỜI LẬP BIỂU

(ký và ghi rõ họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG

(ký và ghi rõ họ tên)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

(4) Trường hợp tại thời điểm góp vốn, Công ty không hoạt động theo mô hình công ty cổ phần thì không cần nhập Cột này.

(7) Phương thức góp vốn: Góp vốn bằng tiền; góp vốn bằng tài sản hoặc các phương thức góp vốn khác (nêu chi tiết nếu có).

(8) Tài sản góp vốn: Thuyết minh chi tiết bao gồm loại tài sản, số lượng và giá trị từng loại tài sản góp vốn của từng thành viên/cổ đông.

(9) Tài liệu góp vốn: Liệt kê chi tiết các tài liệu liên quan: ví dụ: Phiếu thu số.... ngày..../..../....., số tiền....., Giấy báo có/sao kê/sổ phụ,... của ngân hàng ngày/..../....., Biên bản giao nhận tài sản góp vốn ngày..../..../....., tài liệu định giá tài sản góp vốn...., tài liệu về quyền sở hữu tài sản đối với tài sản phải đăng ký quyền sở hữu, hoặc các tài liệu khác liên quan đến góp vốn (nếu có)

ĐƠN VỊ BÁO CÁO**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

....., ngàytháng.....năm.....

Phụ lục số I.2**CHI TIẾT VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU TẠI NGÀY/....../.... ..
THEO THUYẾT MINH SỐ BÁO CÁO VỐN ĐIỀU LỆ ĐÃ GÓP**

STT	Cổ đông/thành viên góp vốn	Số lượng cổ phần	Giá trị vốn góp	Tỷ lệ (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	Tổng cộng			

....., ngày tháng năm

NGƯỜI LẬP

(ký và ghi rõ họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG

(ký và ghi rõ họ tên)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO**PHÁP LUẬT**

(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

(3) Trường hợp công ty không hoạt động theo mô hình công ty cổ phần thì không cần nhập Cột này.

ĐƠN VỊ BÁO CÁO**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

....., ngàytháng.....năm....

Phụ lục số I.3**CHI TIẾT TĂNG VỐN LẦN TẠI THUYẾT MINH SỐ
BÁO CÁO VỐN ĐIỀU LỆ ĐÃ GÓP**

TT	Tên cổ đồng/thành viên góp vốn	Chức vụ (Nếu có)	Thông tin người có liên quan (nếu có)	Số lượng cổ phần	Giá trị vốn góp đợt này	Tỷ lệ (%)	Phương thức góp vốn	Tài sản góp vốn	Tài liệu góp vốn	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1										
										
	Tổng cộng									

....., ngày tháng năm

NGƯỜI LẬP
(ký và ghi rõ họ tên)**KẾ TOÁN TRƯỞNG**
(ký và ghi rõ họ tên)**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO
PHÁP LUẬT**
(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

(4) Người có liên quan: Thuyết minh theo quy định của pháp luật hiện hành.

(5) Trường hợp công ty không hoạt động theo mô hình công ty cổ phần thì không cần nhập Cột này.

(8) Phương thức góp vốn: Góp vốn bằng tiền; góp vốn bằng tài sản hoặc các phương thức góp vốn khác (nêu chi tiết nếu có).

(9) Tài sản góp vốn: Thuyết minh chi tiết bao gồm loại tài sản, số lượng và giá trị từng loại tài sản góp vốn của từng thành viên/cổ đồng.

(10) Tài liệu góp vốn: Liệt kê chi tiết các chứng từ liên quan: ví dụ: Phiếu thu số.... ngày..../..../....., số tiền....., Giấy báo có/sao kê/sổ phụ,... của ngân hàng ngày/..../....., Biên bản giao nhận tài sản góp vốn ngày..../..../....., tài liệu định giá tài sản góp vốn....., tài liệu về quyền sở hữu tài sản đối với tài sản phải đăng ký quyền sở hữu, hoặc các tài liệu khác liên quan đến góp vốn (nếu có).

Phụ lục số IV

MẪU DANH SÁCH CỔ ĐÔNG

(Kèm theo Thông tư số 19/2025/TT-BTC ngày 05 tháng 5 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

TÊN CÔNG TY CỔ PHẦN
Địa chỉ trụ sở chính

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG TẠI NGÀY/...../.....

[illegible]

II	CỔ ĐÔNG KHÔNG PHẢI LÀ CỔ ĐÔNG LỚN												
1	Trong nước												
													
2	Nước ngoài												
													
	TỔNG CỘNG												

(*) Giấy tờ pháp lý: là căn cước hoặc giấy tờ tương đương đối với cổ đông là cá nhân; là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc quyết định thành lập hoặc giấy tờ tương đương đối với cổ đông là tổ chức.

....., ngày tháng năm

NGƯỜI LẬP
(Ký, ghi rõ họ tên)

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY/
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY**
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu công ty)

2. Tên thủ tục “Hủy tư cách công ty đại chúng”

2.1. Hủy tư cách công ty đại chúng đối với công ty đại chúng không còn đáp ứng một trong các điều kiện quy định tại điểm a khoản 1 Điều 32 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được sửa đổi, bổ sung tại điểm a khoản 11 Điều 1 Luật số 56/2024/QH15

- Trình tự thực hiện:

+ Bước 1: Sau 01 năm kể từ ngày công ty đại chúng không còn đáp ứng một trong các điều kiện quy định tại điểm a khoản 1 Điều 32 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được sửa đổi, bổ sung tại điểm a khoản 11 Điều 1 Luật số 56/2024/QH15 mà công ty vẫn không đáp ứng được điều kiện là công ty đại chúng, trong thời hạn 30 ngày, công ty đại chúng gửi hồ sơ hủy tư cách công ty đại chúng cho UBCKNN.

+ Bước 2: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (Bộ phận một cửa) tiếp nhận và kiểm tra danh mục hồ sơ. Trường hợp danh mục chưa đầy đủ UBCKNN hướng dẫn công ty bổ sung hồ sơ theo quy định.

+ Bước 3: UBCKNN tiếp nhận và xem xét tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ. Trường hợp nội dung chưa đầy đủ hoặc chưa rõ ràng, UBCKNN yêu cầu công ty đại chúng bổ sung hoặc giải trình. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, UBCKNN xem xét hủy tư cách CTĐC và thông báo hủy tư cách CTĐC tới doanh nghiệp, đồng thời công bố việc hủy tư cách CTĐC trên phương tiện công bố thông tin của UBCKNN.

- **Cách thức thực hiện:** Trực tiếp tại Bộ phận Một cửa, gửi qua đường bưu điện hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến theo các văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính.

- Thành phần hồ sơ:

+ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ pháp lý tương đương trong trường hợp không khai thác được thông tin về các tài liệu này trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp hoặc các Cơ sở dữ liệu quốc gia khác (nếu có);

+ Văn bản thông báo về việc không còn đáp ứng quy định điểm a khoản 1 Điều 32 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được sửa đổi, bổ sung tại điểm a khoản 11 Điều 1 Luật số 56/2024/QH15 theo mẫu tại Phụ lục số VII ban hành kèm theo Thông tư số 80/2026/TT-BTC;

+ Danh sách cổ đông của công ty đại chúng không còn đáp ứng điều kiện về cơ cấu cổ đông do Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam cung cấp hoặc do công ty lập đối với công ty đại chúng chưa đăng ký chứng khoán tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam (đối với trường hợp không

đáp ứng điều kiện về cổ đông);

+ Báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc văn bản xác nhận về vốn chủ sở hữu của tổ chức kiểm toán được chấp thuận đối với trường hợp công ty đại chúng không còn đáp ứng điều kiện về vốn điều lệ đã góp hoặc vốn chủ sở hữu. Trường hợp công ty tăng vốn điều lệ sau thời điểm kết thúc kỳ kế toán năm gần nhất công ty phải bổ sung báo cáo tài chính kỳ gần nhất được kiểm toán hoặc soát xét (đối với trường hợp không đáp ứng điều kiện về vốn).

- **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ gốc.

- **Thời hạn giải quyết:** Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.

- **Đối tượng thực hiện:** Công ty đại chúng.

- **Cơ quan thực hiện:** Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

- **Kết quả thực hiện:**

+ Công văn thông báo của UBCKNN về việc hủy tư cách CTĐC.

+ Công bố thông tin hủy tư cách công ty đại chúng của Công ty trên phương tiện công bố thông tin của UBCKNN.

- **Phí, lệ phí:** Không có

- **Tên mẫu đơn, tờ khai:**

+ Mẫu Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư 80/2026/TT-BTC (Trường hợp thực hiện dịch vụ công trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia/một cửa sổ, người nộp hồ sơ thực hiện kê khai thông tin Mẫu biểu này trên webform, tải văn bản điện tử, ký số hoặc ký xác thực hồ sơ hủy tư cách công ty đại chúng qua mạng thông tin điện tử. Người nộp hồ sơ chịu trách nhiệm về tính chính xác của các thông tin kê khai trên webform và file tài liệu đính kèm trong hồ sơ).

- **Yêu cầu, điều kiện:**

+ Công ty đại chúng không đáp ứng các điều kiện công ty đại chúng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 32 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được sửa đổi, bổ sung tại điểm a khoản 11 Điều 1 Luật số 56/2024/QH15;

+ Công ty đã báo cáo về việc không đáp ứng điều kiện công ty đại chúng cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo Phụ lục số V ban hành kèm theo Thông tư số 80/2026/TT-BTC.

- **Căn cứ pháp lý:**

+ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15;

+ Thông tư số 19/2025/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 80/026/TT-BTC.

2.2. Hủy tư cách công ty đại chúng đối với công ty đại chúng không đáp ứng điều kiện là công ty đại chúng sau tách, nhận sáp nhập doanh nghiệp

(Các nội dung theo hướng dẫn tại mục 2.1)

2.3. Hủy tư cách công ty đại chúng đối với trường hợp không đáp ứng điều kiện là công ty đại chúng do chuyển đổi loại hình doanh nghiệp từ công ty cổ phần thành công ty trách nhiệm hữu hạn

- Trình tự thực hiện:

+ Bước 1: Trong thời hạn 7 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, công ty trách nhiệm hữu hạn chuyển đổi từ công ty cổ phần là công ty đại chúng phải gửi thông báo theo mẫu tại Phụ lục VII kèm theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

+ Bước 2: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (Bộ phận một cửa) tiếp nhận và kiểm tra danh mục hồ sơ. Trường hợp danh mục chưa đầy đủ UBCKNN hướng dẫn công ty bổ sung hồ sơ theo quy định.

+ Bước 3: UBCKNN tiếp nhận và xem xét tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ. Trường hợp nội dung chưa đầy đủ hoặc chưa rõ ràng, UBCKNN yêu cầu công ty đại chúng bổ sung hoặc giải trình. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, UBCKNN xem xét hủy tư cách CTĐC và thông báo hủy tư cách CTĐC tới doanh nghiệp, đồng thời công bố việc hủy tư cách CTĐC trên phương tiện công bố thông tin của UBCKNN.

- Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại Bộ phận Một cửa, gửi qua đường bưu điện hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến theo các văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính.

- Thành phần hồ sơ:

+ Văn bản thông báo theo mẫu tại Phụ lục số VII ban hành kèm theo Thông tư số 80/2026/TT-BTC;

+ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ pháp lý tương đương trong trường hợp không khai thác được thông tin về các tài liệu này trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp hoặc các Cơ sở dữ liệu quốc gia khác (nếu có).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ gốc.

- Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.

- **Đối tượng thực hiện:** Công ty TNHH được chuyển đổi từ công ty đại chúng.

- **Cơ quan thực hiện:** Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

- **Kết quả thực hiện:**

+ Công văn thông báo của UBCKNN về việc hủy tư cách công ty đại chúng.

+ Công bố thông tin hủy tư cách công ty đại chúng của Công ty trên phương tiện công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

- **Phí, lệ phí:** không có

- **Tên mẫu đơn, tờ khai:**

+ Mẫu Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư 80/2026/TT-BTC (Trường hợp thực hiện dịch vụ công trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia/một cửa sổ, người nộp hồ sơ thực hiện kê khai thông tin Mẫu biểu này trên webform, tải văn bản điện tử, ký số hoặc ký xác thực hồ sơ hủy tư cách công ty đại chúng qua mạng thông tin điện tử. Người nộp hồ sơ chịu trách nhiệm về tính chính xác của các thông tin kê khai trên webform và file tài liệu đính kèm trong hồ sơ).

- **Yêu cầu, điều kiện:**

+ Công ty không đáp ứng điều kiện là công ty đại chúng do chuyển đổi loại hình doanh nghiệp từ công ty cổ phần thành công ty trách nhiệm hữu hạn.

- **Căn cứ pháp lý:**

+ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15;

+ Thông tư số 19/2025/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 80/026/TT-BTC.

Phụ lục số VII
MẪU VĂN BẢN THÔNG BÁO KHÔNG CÒN ĐÁP ỨNG ĐIỀU KIỆN
CÔNG TY ĐẠI CHỨNG

*(Kèm theo Thông tư số 80/2026/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2026 của
 Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

TÊN CÔNG TY **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: , ngày ... tháng ... năm 2026

VĂN BẢN THÔNG BÁO KHÔNG CÒN ĐÁP ỨNG ĐIỀU KIỆN
CÔNG TY ĐẠI CHỨNG

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

I. Thông tin chung về Công ty

1. Tên Công ty:
2. Địa chỉ trụ sở chính:
3. Điện thoại: Website:
5. Người đại diện theo pháp luật:
6. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: do Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp lần đầu ngày, cấp thay đổi lần thứ ... ngày
 (nêu thông tin thay đổi lần gần nhất)
7. Giấy phép thành lập và hoạt động (nếu có theo quy định của pháp luật chuyên ngành):
8. Vốn điều lệ đã góp: tại ngày:
9. Vốn chủ sở hữu: tại ngày:

10. Ngày được xác nhận hoàn tất đăng ký công ty đại chúng:
 theo Văn bản số: ngày
11. Ngày đăng ký niêm yết/giao dịch:
 theo Văn bản số: ngày
12. Công ty thuộc trường hợp quy định tại khoản 7 Điều 59, Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp (Luật số 68/2025/QH15): Có/Không

II. Thông tin không còn đáp ứng điều kiện công ty đại chúng

1. Ngày Công ty không còn đáp ứng điều kiện công ty đại chúng theo Báo cáo quy định tại khoản 1, Điều 8 Thông tư 19/2025/TT-BTC:

2. Công ty không đáp ứng điều kiện công ty đại chúng:

- Điều kiện về vốn (1):

+ Vốn điều lệ đã góp:

+ Vốn chủ sở hữu:

- Điều kiện về cơ cấu cổ đông (2):

+ Số lượng cổ đông:

+ Tổng số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết của tất cả các cổ đông không phải là cổ đông lớn: (tương ứng tỷ lệ%).

III. Hồ sơ kèm theo

1. Giấy chứng nhận doanh nghiệp/giấy tờ pháp lý tương đương nếu UBCKNN không khai thác được thông tin về công ty trên Cơ sở dữ liệu Quốc gia về đăng ký doanh nghiệp hoặc Cơ sở dữ liệu khác;

2. Báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc văn bản xác nhận về vốn chủ sở hữu của tổ chức kiểm toán được chấp thuận (trường hợp Công ty không đáp ứng điều kiện về vốn)/ Danh sách cổ đông do Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam cung cấp hoặc do công ty tự lập đối với công ty đại chúng chưa đăng ký cổ phiếu tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (trường hợp không đáp ứng điều kiện về cơ cấu cổ đông).

3. Tài liệu khác (nếu có)

Lưu ý:

- (1) Áp dụng đối với công ty không đáp ứng điều kiện về vốn; (2) Áp dụng đối với công ty không đáp ứng điều kiện về cơ cấu cổ đông;

- Các thông tin tại Mẫu văn bản thông báo này được sử dụng cho mẫu e-form khi thực hiện thủ tục “Hủy tư cách công ty đại chúng” trên môi trường điện tử;

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)